TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** TỈNH BẮC GIANG Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST Ngày 27/4/2018. V/v: Không công nhận vợ chồng.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và bà Đinh Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2017 về việc Không công nhận là vợ chồng; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX- ST ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; *(có mặt)*

- Bị đơn: Anh Đặng Đức T, sinh năm 1976; *(có mặt)*

Đều STQ: Thôn P, xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đặng Đức T kết hôn với nhau và năm 1999, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đảng ký kết hôn. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu ngay, vợ chồng sống chung cùng gia đình được khoảng 1 năm sau ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2015. Nguyên nhân là do trong cuộc sống anh, chị bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Chính vì vậy đến tháng 02/2016 do không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh T được nữa nên chị cùng các con về nhà đẻ chị ở cho đến nay, anh T không đến gọi chị. Từ đó, anh chị không còn liên lạc với nhau và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng và chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Đặng Đức T là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đăng Minh Q, sinh ngày 28/4/2000 và Đặng Thị Vân A, sinh ngày 12/4/2008. Hiện nay cháu Q sống cùng chị, cháu Vân A sống cùng anh T. Nay Tòa án không công nhận vợ chồng, chị đề nghị được nuôi cháu Q để anh T nuôi cháu Vân A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Chị không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài yêu cầu Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng và con chung, chị không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và lời khai tại Tòa án bị đơn anh Đặng Đức T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau năm 1999, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị H về nhà anh làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã nhiều năm. Nguyên nhân do không hợp nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Hậu quả đến tháng 4/2015 chị H đã về gia đình đẻ sống, vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay, nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H, chị H đề nghị không công nhận anh, chị là vợ chồng anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là Đăng Minh Q, sinh ngày 28/4/2000 và Đặng Thị Vân A, sinh ngày 12/4/2008. Hiện nay cháu Q ở cùng chị H, cháu Vân A ở với anh. Nay Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con, nếu được nuôi hai con anh không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên anh tôn trọng nguyện vọng của các con, cụ thể cháu Q muốn ở với chị H cháu Vân A muốn sống cùng anh thì anh đồng ý với nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Năm 2011 vợ chồng có làm được ngôi nhà có diện tích khoảng 50m^2 đến nay chưa hoàn thiện có giá trị khoảng 70 triệu đồng, ngôi nhà làm nhờ trên đất của anh trai anh.

Vay nợ: Năm 2009 vợ chồng thông qua Hội phụ nữ thôn vay 10.000.000đ, năm 2011 thông qua hội phụ nữ thôn vay Ngân hàng chính sách huyện Yên Dũng 8.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh đặt vấn đề giải quyết về tài sản, ngày 23/3/2018, anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản. Tại phiên tòa anh đưa ra yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức T giữ nguyên quan điểm trên.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48, khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự,

trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức T.

- Về con chung: Giao con chung là Đăng Minh Q, sinh ngày 28/4/2000 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Đặng Thị Vân A, sinh ngày 12/4/2008 cho anh Đặng Đức T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức T kết hôn với nhau từ năm 1999, khi cưới không đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Yên Dũng, Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã M nơi anh chị sinh trú quán, song UBND xã M xác nhận qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ khi anh, chị chung sống cho đến nay không có tên chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức T. Do vậy có cơ sở kết luận chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức T từ khi kết hôn cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức T không được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T đã ly thân nhau từ tháng 4/2016 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau, bản thân chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, anh T cũng đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh và chị H. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 điều

53, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đăng Minh Q, sinh ngày 28/4/2000 và Đặng Thị Vân A, sinh ngày 12/4/2008. Hiện nay cháu Q ở với chị H, cháu Vân A ở với anh T, hai cháu ở ổn định cùng anh, chị. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyện vọng của cháu Q muốn sống cùng chị H, cháu Vân A có nguyện vọng sống cùng anh T, bản thân chị H, anh T cũng đồng ý với nguyện vọng của các con. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con và phù hợp với nguyện vọng của các bên nên cần giao cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Q, anh T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Vân A là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, ruộng đất:

Trong quá trình giải quyết,chị H, anh T có đưa vấn đề tài sản để giải quyết, tuy nhiên ngày 23/3/2018 các bên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Song tại phiên tòa anh T tiếp tục đưa ra yêu cầu giải quyết về tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy việc đưa ra yêu cầu của anh T tại thời điển này là không phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh T để xem xét giải quyết vấn đề tài sản trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác nếu các bên đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đức T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi con Đăng Minh Q, sinh ngày 28/4/2000, anh Đặng Đức T tiếp tục trực tiếp nuôi con Đặng Thị Vân A, sinh ngày 12/4/2008.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăn nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0001514 ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng (xác nhận chị H đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh